

Phụ lục
DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ Y TẾ
(Đính kèm theo Thông báo số /TB-TTKSBT ngày tháng 8 năm 2025
của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên hàng hóa/ thiết bị	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Máy điện tim (Máy đo điện tim)			Thông tin chung: - Năm sản xuất: 2024 trở về sau - Chất lượng: mới 100%. - Môi trường hoạt động: Phù hợp với khí hậu của Việt Nam. Cấu hình: - ECG 12 kênh: I, II, III, aVR, aVL, aVF, V1, V2, V3, V4, V5, V6 Độ nhạy: 2.5/5/10/20 mm/mV $\pm$ 5% - Tốc độ ghi: 5/10/25/50 mm/s $\pm$ 5% - Giấy in: 112mm - Màn hình LCD: full màu độ phân giải cao, màn hình 7". - Nguồn điện: AC 100 V ÷ 240 V (47 Hz ÷ 63 Hz)	Máy	01		
2	Máy soi cổ tử cung			Thông tin chung: - Năm sản xuất: 2024 trở về sau - Chất lượng: mới 100%. - Môi trường hoạt động: Phù hợp với khí hậu của Việt Nam. Cấu hình: - Máy chính: 01 cái - Phụ kiện xe đẩy máy di động có khoá, tăng giảm chiều cao: 01 cái	Máy	01		

			- Pedal chụp ảnh: 01 cái - Adapter AC – DC: 01 cái - Túi bảo quản: 01 cái - Phần mềm truy xuất kết nối dữ liệu tiếng Anh: 01 bộ - Hướng dẫn sử dụng Anh/Việt: 01 bộ Mua tại Việt Nam: - Máy tính để bàn: 01 bộ - Máy in khổ A4: 01 cái - Màn hình bệnh nhân 32 inch : 01 cái- - Cáp video: 01 cái - Xe đẩy máy tính y tế chuyên dụng: 01 cái Tính năng kỹ thuật: + Hệ thống xử lý hình ảnh dựa trên nền kết hợp giữa công nghệ thu thập hình ảnh kỹ thuật số và công nghệ soi cổ tử cung. Các bác sĩ quan sát thông qua màn hình màu và phóng đại, lưu trữ, phân tích bệnh lý, in các hình ảnh quan sát được trên màn hình. + Công nghệ đo: Công nghệ hình ảnh sáng-tối: hiển thị rõ nét màu sắc hình ảnh kể trong môi trường thiếu sáng + Sự kết hợp hoàn hảo giữa camera chất lượng HD vượt trội, phần mềm phân tích mạnh mẽ và màn hình hiển thị 2,5 inches + Chụp các chi tiết với độ chính xác cao hơn và với độ phóng đại lên đến (46X), cải thiện khả năng chẩn đoán và đảm bảo				
--	--	--	---	--	--	--	--

				an toàn cho bệnh nhân +Nhiều công cụ có thể cho phép cung cấp thông tin chẩn đoán linh hoạt và đầy đủ hơn rất quan trọng trong quá trình ra quyết định lâm sàng của bác sĩ phụ khoa.				
3	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động (Máy miễn dịch tự động)			- Nguyên lý xét nghiệm: hóa phát quang - Tốc độ ≥ 170 xét nghiệm/giờ - Chế độ hoạt động: truy cập ngẫu nhiên, theo mẻ - Thời gian trả kết quả đầu tiên: ≤ 18 phút tùy xét nghiệm - Số xét nghiệm thực hiện được trên máy: ≥ 25 - Có khả năng nạp mẫu: ≥ 120 ống mẫu - Có khả năng chạy mẫu cấp cứu - Chạy được ≥ 4 loại bệnh phẩm sau: huyết thanh, huyết tương, nước tiểu, dịch não tủy - Có khả năng chứa đồng thời ≥ 25 hóa chất tích hợp và ≥ 4 hóa chất phụ trợ - Hóa chất tích hợp sẵn sàng sử dụng, bao gồm cả hóa chất hiệu chuẩn trong mỗi pack hóa chất - Nhận diện bệnh phẩm và chất kiểm chuẩn bằng mã vạch - Có sử dụng công nghệ nhận diện bằng tần số Radio (RFID) - Sử dụng đầu côn dùng 1 lần để hút bệnh phẩm, với khả năng chứa: ≥ 550 chiếc	Hệ thống	01		

			- Có khả năng nạp liên tục: các giá mẫu bệnh phẩm, hóa chất và vật tư tiêu hao - Có khả năng phát hiện tắc hoặc thiếu bệnh phẩm - Danh mục xét nghiệm tối thiểu: + Chuyển hóa xương và muối khoáng: 25-OH Vitamin D total, N - TACT PTH, 1-84 PTH, Osteocalcin, BAP Ostase, 1.25 dihydroxyvitamin D, FGF 23 + Thiếu máu: Ferritin, Folate, vitamin B12 + Nội tiết tố sinh sản: Estradiol, FSH, LH, Progesterone, Prolactin, Testosterone, hCG/ βhCG, Androstendione, SHBG + Tuyến giáp: Free T3, Free T4, TSH, Thyroglobulin, Anti Tg, Anti – TPO, T3, T4, Tg Gen II Confirmatory. + Marker ung thư: AFP, CEA, CA 15-3, CA 19-9, CA 125, total PSA, free PSA, TPA -M, NSE, S100, hCG/βHCG, Tg, beta 2 - microglobulin TK, Calcitonin + Torch: CMV IgG, CMV IgM, CMV IgG Avidity, Rubella IgG, Rubella IgM, Toxo IgG, Toxo IgM, Toxo IgG Avidity, HSV - 1/2 IgG, HSV -1 IgG, HSV -2 IgG, HSV - 1/2 IgM, Parvovirus B19 IgG, Parvovirus B19 IgM + Virus viêm gan và retrovirus: anti HAV, HAV IgM, anti HBc, HBc IgM, anti HBs, HBs Ag Confirmatory, HbeAg, anti Hbe,				
--	--	--	--	--	--	--	--

				HIV Ab/Ag, HIV Ab/Ag HT, HCV Ab, HTLV I/II; anti-HDV + Chagas: Chagas IgG + Chức năng tuyến thượng thận: ACTH, Cortisol, DHEA-S + Nhiễm trùng huyết: PCT + Đái tháo đường: Insulin, C- peptide + Hormon tăng trưởng: hGH, IGF-I + Tăng huyết áp: Direct renin, Aldosterone + Giang mai: Treponema Screen + EBV: EBV IgM, VCA IgG, EBNA IgG, EA IgG + Borrelia: Borrelia burgdoferi IgG, Borrelia burgdoferi IgM + VZV: VZV IgG, VZV IgM + Mycoplasma: Mycoplasma pneumoniae IgG, Mycoplasma pneumoniae IgM + Sởi và quai bị: Measles IgG, Measles IgM, Mumps IgG, Mumps IgM + Chlamydia: Chlamydia T.IgG, Chlamydia T.IgA + Lao: Quantiferon TB Gold plus + Zika: Zika capture IgM + Xét nghiệm phân: C. difficile GDH; c. difficile toxin A và B; H. pylori SA; EHEC; Rotavirus; Adenovirus; Calprotectin; Campylobacter Ag; Elastase-1				
--	--	--	--	---	--	--	--	--

				+ Covid-19: SARS-CoV-2 S1/S2 IgG; SARS-CoV-2 IgM; SARS-CoV-2 Ag; SARS-CoV-2 TrimericS IgG + H.pylori: H. pylori IgG + Lymedetect: LymeDetect + Tự miễn: tTG IgA				
4	Máy huyết học (Máy xét nghiệm huyết học) (24 hoặc 27 thông số)			- Máy sản xuất từ năm 2023 trở về sau. Máy mới 100%. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương - Nguồn điện sử dụng: 220/380 V, 50 Hz - Chung loại: Máy phân tích huyết học phân tích tối thiểu ≥ 27 thông số, bao gồm: - Các thông số tổng phân tích (CBC): WBC, RBC, HGB, HCT, MCV, MCH, MCHC, RDW-SD, RDW-CV, PLT, MPV - Các thông số thành phần bạch cầu: LY%, LY#, MO%, MO#, NE%, NE#, EO%, EO#, BA%, BA# - Xác định các thành phần bạch cầu bằng phương pháp kết hợp giữa công nghệ đo quang và trở kháng hoặc tương đương - Đo bạch cầu, hồng cầu và tiểu cầu bằng phương pháp trở kháng hoặc tương đương - Đo Hemoglobin bằng phương pháp đo quang hoặc tương đương - Dải đo: + WBC: $\leq 0,20 - \geq 100,00 \times 10^3$ tế bào/ μL + RBC: $\leq 0,20 - \geq 8,00 \times 10^6$ tế bào/ μL	Cái	01		

			+ HGB: $\leq 0,20$ tới $\geq 25,00$ g/dL + MCV: $\leq 50,0$ - $\geq 150,0$ fL + PLT: $\leq 7,0$ - $\geq 2000,0 \times 10^3$ tế bào/μL + MPV : $\leq 5,00$ - $\geq 25,00$ fL + RDW: $\leq 10,0$ - $\geq 40,0\%$ + RDW-SD : $\leq 15,0$ - $\geq 150,0$ fL - Độ lặp lại: + WBC tại (1,00-3,00) x (10^3 tế bào/ μL): $\leq 0,17$ SD + WBC tại (5,00-7,00) x (10^3 tế bào/ μL): $\leq 4,0\%$ CV + WBC tại (7,0-100,0) x (10^3 tế bào/ μL): $\leq 3,0\%$ CV + RBC tại (3,5 - 8,0) x (10^6 tế bào/μL): $\leq 2,0\%$ CV + HGB tại 5 -11 (g/dL): $\leq 2,0\%$ CV + MCV tại 50 - 150 fL: $\leq 1,0\%$ CV + RDW tại 10 - 40 (%): $\leq 3,5\%$ CV + RDW-SD tại 15 - 50 fL: $\leq 3,5\%$ CV + PLT tại (25 – 50) (x 10^3 tế bào/μL): $\leq 15\%$ CV - Chức năng tự động phân vùng các quần thể tế bào động - Lưu trữ kết quả bệnh nhân trên máy ≥ 30.000 kết quả bao gồm đồ thị, cờ cảnh báo, mã và tin nhắn - Cổng giao tiếp : RS 232, USB, Ethernet				
--	--	--	--	--	--	--	--

5	Máy đo chức năng hô hấp		I. THÔNG TIN CHUNG: - Năm sản xuất: 2024 trở về sau - Chất lượng: mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương - Xuất xứ: các nước phát triển - Môi trường hoạt động: Phù hợp với khí hậu của Việt Nam II. CẤU HÌNH MÁY: - Tay cầm cảm biến: 01 cái - Đầu cảm biến lưu lượng: 01 cái - Phần mềm phân tích: 01 cái - Kẹp mũi: 01 cái - Ống ngậm miệng bằng giấy: 01 cái - Dây nguồn: 01 cái - Lọc khí thở: 01 cái - Xilanh cân chỉnh máy: 01 cái - Laptop, bộ dây kết nối, máy in kết quả: 01 bộ. - Sách hướng dẫn sử dụng: 01 bộ III. CHỈ TIÊU KỸ THUẬT: <u>Tính năng chung:</u> - Sử dụng đo hô hấp, như hen suyễn, COPD. - Có kết nối với máy tính và phần mềm chuyên dụng. - Có so sánh kết quả với bảng thông số chuẩn hóa GLI-2012 - Hỗ trợ ước tính tuổi phổi - Kiểm tra co và dẫn phế quản - Tự động thể hiện bệnh viêm phổi mãn tính	Máy	01		
---	-------------------------	--	--	-----	----	--	--

			- Tương thích với hệ điều hành Window - Trích xuất kết quả sang định dạng hình ảnh <u>Thông số đo và phân tích:</u> - Dung tích sống chậm: SVC, IS, TV, IRV, SVC/HT, ERV - Dung tích sống gắng sức: FVC, FEV0.5, FEV0.75, FEV1.0 - Thông khí chủ động tối đa: MVV, TV, RR, MVV/BSA, AVI - Thể tích phút: MV, TV, RR, BR, VR <u>Tính năng kỹ thuật:</u> - Phát hiện lưu lượng: cảm biến dòng khí 2 chiều - Giới hạn lưu lượng: từ ≤ 0.05 đến ≥ 18 L/s - Độ phân giải: ≤ 0.01 L/s - Phát hiện thể tích: loại phân tích lưu lượng - Đo thể tích: từ ≤ 0.01 đến ≥ 10.0 L - Độ phân giải: ≤ 0.01 L - Độ chính xác thể tích: $\leq 3\%$ hoặc ≤ 0.05 L IV. Thông tin khác: - Thời gian bảo hành: 12 tháng, bảo trì trong thời gian bảo hành: 6 tháng/1 lần. - Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 90 ngày. - Địa điểm giao hàng và lắp đặt sử dụng: tại đơn vị sử dụng. - Cam kết cung cấp Chứng nhận nguồn gốc (CO), Chứng nhận chất lượng (CQ), Invoice (xóa giá), Packing list, Vận đơn,				
--	--	--	---	--	--	--	--

			Tờ khai hải quan (xóa giá), Bản phân loại trang thiết bị y tế, Giấy phép nhập khẩu (nếu có) khi giao hàng. - Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ tùng thay thế trong thời gian 6 năm sau bán hàng và có báo giá vật tư tiêu hao, phụ kiện chính của thiết bị. - Có báo giá hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng thiết bị khi hết thời gian bảo hành. - Có chương trình lắp đặt, kiểm định, hướng dẫn sử dụng, đào tạo cho người sử dụng.				
6	Máy đo thính lực hoàn chỉnh (Máy đo Thính lực)		I. THÔNG TIN CHUNG: - Năm sản xuất: 2024 trở về sau. - Chất lượng: mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Sản xuất: các nước công nghiệp phát triển - Nguồn điện sử dụng: 220V, 50/60Hz. - Môi trường hoạt động: Phù hợp với khí hậu của Việt Nam II. Yêu cầu cấu hình: - Máy chính: 01 máy - Tai đo đường khí: 01 cái - Tai đo đường xương: 01 cái - Dây kết nối tai đo đường xương: 01 cái - Chụp tai đường khí và tai đơn: 01 cái - Chụp tai đo đường xương: 01 cái - Thanh bấm trả lời: 01 cái - Tai nghe stereo bên trong: 01 cái - Phần mềm kết nối máy tính quản lý thông tin bệnh nhân: 01 bộ	Máy	01		

			- Thiết bị phụ trợ: Laptop, bộ dây kết nối và máy in phun màu: 01 bộ. - Dây nguồn: 01 cái - Giấy in nhiệt: 02 cái - Cầu chì: 01 cái - Sách hướng dẫn sử dụng tiếng anh, tiếng việt: 01 bộ III. Yêu cầu kỹ thuật: <u>Chức năng kiểm tra:</u> - Thính lực đơn âm: tối thiểu có đường khí, đường xương - Các loại kiểm tra: sàng lọc, thính lực trên ngưỡng, thính lực Bekesy, thính lực lời <u>Tần số thính lực đơn âm:</u> - Đường khí: có thể lựa chọn ≥ 10 mức, từ ≤ 125 đến ≥ 8000 Hz - Đường xương: có thể lựa chọn ≥ 10 mức, từ ≤ 250 đến ≥ 8000 Hz - Phạm vi âm lực: + Đường khí: ≤ -10 đến ≥ 110 dB HL + Đường xương: ≤ -10 đến ≥ 70 dB HL - Sai số tần số: $\pm 2\%$ cho mỗi tần số - Có chức năng gây ù che lấp - Tần số trung tâm biên độ tiếng ồn: có thể lựa chọn ≥ 10 mức, từ ≤ 125 đến ≥ 8000 Hz - Điều chỉnh âm lực tiếng ồn: ≤ 5 dB mỗi bước - Mức thính lực trung bình: hiển thị tự động và chữ in <u>Kiểm tra sàng lọc</u> - Tần số và mức âm lực kiểm tra: + Mức 1000Hz: mức âm lực ≤ 30 dB				
--	--	--	--	--	--	--	--

			+ Mức 4000Hz: mức âm lực kiểm tra 30 dB hoặc 40 dB <u>Kiểm tra thính lực trên ngưỡng</u> - Kiểm tra SISI + Tăng âm: ≥ 5 giây + Có hiển thị - ghi chép mẫu phản ứng đến 4 tần số tổng hợp cả hai tai trái phải - Kiểm tra ABLB + Mức âm lực nhỏ nhất của gây ù che lấp là 0 dBHL + Có thể hoán đổi hai bên trái phải (tai lành, tai bệnh) trên màn hình hiển thị <u>Kiểm tra thính lực Bekesy</u> - Tần số kiểm tra: có thể lựa chọn ≥ 5 tần số từ ≤ 250 đến ≥ 8000 Hz - Thời gian kiểm tra TTS: ≤ 4 phút/ tần số - Kết quả kiểm tra TTS: ≥ 4 cách thức <u>Kiểm tra thính lực lời</u> - Nguồn âm nhập bên ngoài - Phạm vi đo mức thính lực: ≤ -10 đến ≥ 100 dB (đường khí) - Tiếng ồn gây ù che lấp với phạm vi mức âm lực: ≤ 0 đến ≥ 100 dB HL <u>Giao thức:</u> - Giao diện: tối thiểu có RS-232-C, LAN - Màn hình màu LCD ≥ 7 inch, cảm ứng điện trở hoặc tương đương - Có máy in nhiệt tích hợp sẵn - Có chức năng cảnh báo bên trong và bên ngoài <u>Thiết bị phụ trợ:</u> - Laptop: chip $\geq i3$, RAM ≥ 8 GB, ổ cứng ≥ 500 GB, màn hình LCD ≥ 16 inch				
--	--	--	--	--	--	--	--

				- Phần mềm kết nối máy tính: Thể hiện kết quả khi đo cho từng khách hàng và quản lý thông tin, kết quả đo chung của khách hàng. - Máy in: In màu, độ phân giải $\geq 1.200 \times 1.200$ dpi, tốc độ in ≥ 20 trang A4/ phút				
7	Bộ đặt nội khí quản người lớn và ống NKQ các loại			- 01 lưỡi cong Macintosh số 2 - 90mm (04.1110.90) - 01 lưỡi cong Macintosh số 3 - 100mm (04.1110.10) - 01 lưỡi cong Macintosh số 4 - 130mm (04.1110.13) - 01 cán pin trung (04.2100.01) - 01 hộp đựng bằng nhựa	Bộ	01		
8	Bộ đặt nội khí quản trẻ em và ống NKQ các loại			- 01 lưỡi cong Macintosh số 0 - 55mm (04.1110.55) - 01 lưỡi cong Macintosh số 1 - 70mm (04.1110.70) - 01 lưỡi cong Macintosh số 2 - 78mm (04.1110.78) - 01 cán pin trung (04.2100.01) - 01 hộp đựng bằng nhựa	Bộ	01		
9	Bộ khám ngũ quan			- Cán chứa pin loại trung - Đầu đèn khám tai - Đầu đèn khám mắt - Van mở mũi - Gọng dẫn quang cong - Gương soi thanh quản - Kẹp giữ đè lưỡi - Kèm 01 bóng dự phòng.	Bộ	01		

10	Máy Huyết áp điện tử để bàn (Máy đo huyết áp tự động để bàn)		- Phương pháp đo: Phương pháp đo dao động (Oscillometric) - Phương pháp bơm/ xả cạn: Tự động - Màn hình hiển thị: LCD - Phạm vi đo áp suất: 0 ~ 300mmHg, mạch 30 ~ 240 / phút - Đơn vị đo tối thiểu: 1mmHg - Độ chính xác áp suất: ± 2mmHg, Xung $\pm 3\%$ - Vòng bít vận hành: Đai vận hành bằng bộ điều khiển vi - Máy in: Máy in nhiệt (Tùy chọn thêm) - Nguồn điện : AC 110/220C ~ 230V - Chức năng giao tiếp máy tính, Giao tiếp RS232C (tùy chọn) - Dừng khẩn cấp bằng bộ vi xử lý - Hỗ trợ hướng dẫn bằng giọng nói khi đo Phụ kiện tiêu chuẩn: - Cáp nguồn: 01 cái - Đĩa cài: 01 cái - Hướng dẫn sử dụng Anh - Việt: 01 bộ)	Bộ	01		
11	Máy Huyết áp người lớn + ống nghe		Thành phần: - Đồng hồ đo - Vòng bít tay - Bóng bóp cao su - Van xả khí - Dây nối - Ống nghe. Thông số kỹ thuật: - Đồng hồ kim analog, có vỏ kim loại hoặc nhựa, hiển thị áp suất chuẩn.	Bộ	02		

			- Khoảng đo huyết áp từ 0 đến 300 mmHg; Độ chia thang đo 2mmHg; Độ chính xác ± 3mmHg. - Bóng bóp bằng chất liệu cao su chống oxy hoá có độ bền cao - Van xả: Xoay hoặc nút bấm, điều chỉnh thủ công - Vòng bút: Kích thước vòng bút 22 - 32 cm (chu vi tay người lớn), có thể có loại lớn hơn cho người béo phì. - Hệ thống dây dẫn khí bằng cao su cao cấp chống oxy hoá. - Tai nghe có độ khuyếch đại lớn, nghe êm, không đau tai				
12	Bảng đo thị lực có đèn chữ C		- Bảng đo thị lực chữ C, dùng cho mọi đối tượng. - Bảng có thiết kế các vòng tròn hờ giống chữ C với phần hờ xoay theo 4 hướng khác nhau như trên, dưới, trái, phải. - Bảng đo tiêu chuẩn có 11 dòng với kích thước và khoảng cách của chữ C nhỏ dần từ trên xuống dưới. - Đèn phát sáng: Loại đèn LED (Có điều chỉnh độ sáng thích hợp) - Kích thước: 85cm x 34 cm x 11cm - Khoảng cách đọc: 5m - Điện nguồn: AV: 220V;0,2A - Lỗ treo tường, chân để bàn, giá đỡ - Dây nguồn: 2m - Vỏ đèn bằng Inox	Cái	01		
Tổng cộng: 12 mặt hàng							

Bằng chữ:đồng

Giá trên bao gồm các loại thuế và chi phí giao hàng tại Trung tâm

loclx-22/08/2025 10:08:34-loclx-loclx-loclx